TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2019/DS-PT
Ngày: 12/11/2019
V/v " Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**
Các Thẩm phán: Ông **Mai Tiến Dũng**
Ông **Vũ Toàn Giang**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Nguyễn Mạnh Thắng** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2019/DSPT ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DSST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 328/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 419/2019/QĐHPT-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa*:*

1. Nguyên đơn: Ông Trần Bá Dũng, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Tú – Công ty luật TNHH Fanci – Chi nhánh Thăng Long, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 2, nhà CC2, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết, sinh năm 1966 (em gái ông Dũng) (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, TP. Hà Nội.

***** *Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết:* Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn:

3.1.1. Bà Nguyễn Thị Bất, sinh năm 1955 (vợ ông Dũng);

3.1.2. Anh Trần Bá Điệp, sinh năm 1984 (con trai ông Dũng – bà Bất) (Có mặt);

3.1.3. Chị Nguyễn Quế Lan, sinh năm 1984 (vợ anh Điệp);

** Đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bất, chị Nguyễn Quế Lan*: Ông Trần Bá Dũng; Ngày 05/7/2019, Ông Dũng ủy quyền lại cho: Chị Trần Thị Ngoan, sinh năm 1977; ĐKHKTT và cư trú: Xóm Đồi, thôn Phù Yên, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội (theo Giấy ủy quyền lập ngày 05/7/2019) (Có mặt).

Tại phiên tòa anh Trần Bá Điệp ủy quyền cho anh Lường Văn Bình, sinh năm 1993 (Có mặt).

3.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn:

3.2.1. Cụ Nguyễn Thị Ân, sinh năm 1928 (mẹ bà Tuyết, ông Dũng) (Có mặt);

3.2.2. Ông Trần Bá Hùng, sinh năm 1952 (anh trai ông Dũng, bà Tuyết) (Có mặt);

Trú tại: Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội.

3.2.3. Ông Trần Bá Chí, sinh năm 1959 (em trai ông Dũng, anh trai bà Tuyết) (Có mặt).

Trú tại: Số 500, đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

3.2.4. Bà Trần Thị Minh, sinh năm 1963 (em gái ông Dũng, chị gái bà Tuyết) (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Non Nông, xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

3.2.5 Ông Trần Bá Mạnh, sinh năm 1964 (em trai ông Dũng, anh trai bà Tuyết) (Vắng mặt);

Trú tại: Xóm An Phương, xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

3.2.6. Bà Trần Thị Liên, sinh năm 1962 (em gái ông Dũng, chị gái bà Tuyết) (Có mặt).

Trú tại: Số nhà 20, tổ 7, khu tái định cư, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội

3.2.7. Ông Trần Bá Tuấn, sinh năm 1972 (em trai ông Dũng, bà Tuyết) (Có mặt).

3.2.8. Cháu Trần Quang Huy, sinh ngày 19/5/2008 (con trai bà Tuyết).

Đại diện theo pháp luật của cháu Huy là bà Trần Thị Tuyết.

Đều trú tại: Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội.

3.3. Bà Trần Thị Ái, sinh năm 1950 (chị gái ông Dũng, bà Tuyết) (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội.

* *Đại diện ủy quyền của cụ Nguyễn Thị Ân, ông Trần Bá Hùng, ông Trần Bá Chí, bà Trần Thị Minh, ông Trần Bá Mạnh, bà Trần Thị Liên, ông Trần Bá Tuấn* là *Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1960 (Có mặt)*.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Luật sư Hoàng Văn Doãn – Văn phòng luật sư Hoàng Hưng, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: ông Trần Bá Dũng – Là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Yến – Là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Trần Bá Điệp – Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Chị Trần Thị Ngoan – Là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bất và chị Nguyễn Quế Lan là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, tại phiên hòa giải nguyên đơn, ông Trần Bá Dũng trình bày:

Ông khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết (em gái ông) phải trả lại cho ông phần diện tích 131,5m^2 (đo thực tế) trong tổng diện tích của thửa đất số 1241 tại thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, mà ông đã cho bà Tuyết mượn vào năm 2006.

- Về nguồn gốc thửa đất 1241 (trong đó có 131,5m^2 đòi bà Tuyết): Năm 1978 vợ chồng ông trực tiếp đến gặp cụ Trần Bá Cống (lúc đó cụ Cống là chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp thôn Đồng Trữ; cụ Cống hiện đã chết) trình bày miệng xin đất vì lúc đó gia đình ông đông anh em, cụ Cống bảo vợ chồng ông có ra ở được đất đó (chính là thửa 1241) thì ra, vì thực tế lúc bấy giờ thửa 1241 là đất ruộng, trũng do các nhà xung quanh đào lấy đất tại thửa ruộng này để đắp vào nền đất của gia đình họ, một bên thửa đất lại giáp với Chùa, không ai muốn xin ở mảnh đất này. Trước khi cụ Cống chỉ cho ông vị trí mảnh đất này, thì có gia đình cụ Lự cũng đã xin mảnh này rồi, nhưng khi họ đào đất lên thì có 01 ngôi mộ nên gia đình cụ Lự đã bỏ đi xin chỗ khác. Chính vì vậy cụ Cống hỏi vợ chồng ông có lấy mảnh đó thì cụ cho; vợ chồng ông nhất trí. Khi cho vợ chồng ông đất (vì bên cạnh cũng đã có các gia đình ở hết), cụ Cống chỉ mốc giới, không có giấy tờ giao đất nào cả, vợ chồng ông cũng không phải nộp một khoản tiền nào cho Hợp tác xã. Sau khi xin đất, vợ chồng ông

đã phải đắp đất, làm một nhà tạm để ở. Quá trình sinh sống ở tại mảnh đất này, thì gia đình ông cũng phải đổ đất san lấp mới được như bây giờ. Do vợ chồng ông đã trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 1241 từ năm 1978, nên Sổ mục kê và Bản đồ giải thửa lập năm 1983 đều mang tên ông; vợ chồng ông đã thực hiện nộp thuế toàn bộ thửa đất 1241 từ trước đến năm 2012 thì xã tạm thời không thu do đất đang có tranh chấp.

- Về chính sách cấp đất giãn dân của Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Trữ lúc bấy giờ là: Gia đình nào phải có từ 02 cặp vợ chồng trở lên, đất chật thì mới được cấp; gia đình nào đông con, đất chật, nhưng các con trai chưa lập gia đình thì cũng không được cấp đất. Thời điểm năm 1978 thì gia đình cụ Trần Bá Húc (bố mẹ đẻ ông) có 03 cặp vợ chồng là: Cặp Bố mẹ ông, cặp vợ chồng ông, cặp vợ chồng ông Trần Bá Hùng, do vậy ông phải xin đất để ra ở riêng. Ông khẳng định cụ Trần Bá Húc (bố ông) không phải là người đứng ra xin Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Trữ mảnh đất trên; nếu cụ Húc đứng ra xin thì Hợp tác cũng không cấp trực tiếp cho cụ Húc được, mà chỉ cấp cho các con của cụ Húc mà đã có gia đình. Sau khi ông xin được đất ra ở riêng, đến năm 1983 ông Trần Bá Chí lấy vợ thì ông Trần Bá Hùng mới tiếp tục xin được đất giãn dân ở xóm Đầm Tiếu.

- Về việc cho mượn đất: Trước năm 2006, bà Tuyết ly hôn với chồng, phải về ở với ông Trần Bá Tuấn (là em trai ông và bà Tuyết), quá trình ở với vợ chồng ông Tuấn đã xảy ra mâu thuẫn, bà Tuyết không ở được với ông Tuấn nữa; là anh em ruột, ông thấy vậy nên đã cho bà Tuyết mượn 01 góc vườn dựng nhà tạm để ở. Khi cho mượn, chỉ nói miệng với nhau, không lập văn bản giấy tờ gì. Vị trí đất ông cho mượn chính là vị trí đất đang tranh chấp hiện nay (trên có nhà cấp 4 bà Tuyết vừa mới xây dựng cuối năm 2018). Thời điểm ông cho mượn, vị trí đất đó gia đình để đống rơm, trồng một số cây ăn quả. Khi ông cho bà Tuyết mượn đất, ông cũng nói bà Tuyết phải xây tường gạch con kiến (tường 110cm) quây lên để tránh mâu thuẫn chị dâu em chồng từ những việc nhỏ, bà Tuyết đã làm 01 nhà tạm 02 gian - lợp Proximang, đồng thời bà Tuyết cũng xây tường bao xung quanh phần diện tích đất ông cho mượn. Trong thời gian xảy ra tranh chấp, Tòa án đang giải quyết thì bà Tuyết đã xây dựng mới nhà cấp 4 như hiện nay.

- Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên hộ Trần Bá Húc với diện tích 216m^2 thuộc một phần của thửa 1241 vào năm 2003: Năm 2011 thực hiện chính sách kê khai đất ở, lúc này ông mới biết thửa đất 1241 gia đình ông đang sử dụng đã được UBND huyện Chương Mỹ cấp GCNQSDĐ một phần với diện tích 216m^2 (1/2 thửa đất giáp với đường xóm) cho bố ông (cụ Trần Bá Húc).

Việc cấp GCNQSDĐ như vậy đã làm cho phần đất phía bên trong của thửa 1241 không có lối đi; thủ tục cấp GCNQSDĐ cũng hoàn toàn trái pháp luật. Do vậy ông đã làm đơn khiếu nại, đề nghị UBND huyện Chương Mỹ thu hồi lại GCNQSDĐ trên và đến ngày 24/02/2014 UBND huyện đã ra Quyết định số 1281 "Thu hồi GCNQSDĐ cấp trái pháp luật cho hộ ông Trần Bá Húc, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa". Chính vì việc khiếu nại của ông, mà các anh em trong gia đình cho rằng ông kiện bố (cụ Húc), nên họ đã kéo bè cánh, gây áp lực đối với ông, đánh chửi ông, vợ con ông, gây mất đoàn kết trong gia đình, khi cụ Húc chết cũng không cho ông về chịu tang.

2. Ý kiến của người đại diện ủy quyền của Bị đơn – bà Trần Thị Tuyết do ông Trần Bá Hùng trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Bố mẹ ông/bà là cụ Trần Bá Húc - cụ Nguyễn Thị Ân sinh được 09 người con, gồm: Bà Trần Thị Ái; ông - Trần Bá Hùng; ông Trần Bá Dũng; ông Trần Bá Trí; bà Trần Thị Liên; bà Trần Thị Minh; ông Trần Bá Mạnh (tức Lý); bà Trần Thị Tuyết; ông Trần Bá Tuấn.

Về nguồn gốc thửa đất 1241 như sau: Khoảng năm 1973 – 1974, gia đình bố mẹ ông lúc đó rất đông con nên, cụ Húc đã trực tiếp xin được mảnh đất trên để chia cho các con. Việc xin đất này không phải nộp tiền. Sau khi xin được đất, cụ Húc cho ông và ông Dũng, mỗi người một nửa đất, nhưng ông thấy nếu 02 anh em cùng ở mảnh đất đó thì sẽ dẫn đến mâu thuẫn chị em dâu và cũng là gần Chùa nên ông không lấy, chỉ có ông Dũng nhận (sau này, đến năm 1987 ông cũng đã trực tiếp xin được của Hợp tác xác 01 mảnh đất khác, mà hiện nay gia đình ông đang ở thôn Đồng Trữ). Cụ Húc - cụ Ân đã làm 02 gian nhà tranh vách đất (mà vị trí hiện nay là bếp của gia đình ông Dũng) để cho vợ chồng ông Dũng ra ở riêng. Khi làm nhà, thì cả gia đình ông (tức cả gia đình bố mẹ ông lúc đó) đã phải lấy đất để tôn nền vào vị trí làm nhà. Còn những chỗ đất thùng đấu thì do vợ chồng ông Dũng tự đổ đất để san lấp trong quá trình ở.

Thời điểm cụ Húc xin được đất thì trong gia đình ông chưa có anh chị em nào xây dựng gia đình, ông thì đang đi bộ đội.

Đến năm 1976, ông Dũng kết hôn với bà Nguyễn Thị Bất, vợ chồng ông Dũng ở chung với gia đình; đến năm 1979 cụ Húc - cụ Ân cho vợ chồng ông Dũng ra ở riêng tại nhà tranh vách đất tại mảnh đất xin được. Sau vài năm thì cụ Húc tiếp tục làm nhà cho vợ chồng ông Dũng (chính là nhà vợ chồng ông Dũng đang ở bây giờ).

Khoảng năm 2000 thì bà Tuyết ly hôn với chồng, phải về ở với ông Trần Bá Tuấn cùng với cụ Húc, cụ Ân tại nhà đất các cụ để lại. Cụ Húc sợ mất đoàn kết nên

năm 2003 đã làm 02 gian nhà lợp Proximang (tại vị trí đất tranh chấp) để cho bà Tuyết ra ở riêng tại đó; đồng thời cũng xây tường bao xung quanh, có cổng riêng. Khi cụ Húc làm nhà cho bà Tuyết thì chính ông Dũng cũng bảo xây nhà cho bà Tuyết không phải làm cổng riêng, mà đi cổng chung với nhà ông Dũng, nhưng cụ Húc lo xa việc chị dâu em chồng mâu thuẫn, mất đoàn kết nên vẫn làm cổng riêng.

Đến năm 2014, do nhà xuống cấp, bà Tuyết đã phải dỡ ra để làm lại thì gia đình ông Dũng ngăn cản không cho bà Tuyết làm, nên đã phải xếp gạch để ở tạm. Đến tháng 11/2018 do không đảm bảo chỗ ở, bà Tuyết đã buộc phải xây dựng thành nhà như hôm Tòa án vào thẩm định kiểm tra, trước khi bà Tuyết xây dựng thì ông đã báo xin phép ông Nguyễn Văn Doanh - Chủ tịch UBND xã Phú Nghĩa.

Xác nhận cụ Húc chết không để lại di chúc.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá Dũng, bà Tuyết không nhất trí vì bà Tuyết đã được cụ Húc chia cho phần diện tích đất này.

3. Ý kiến của những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông Trần Bá Dũng: đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Dũng.

4. Ý kiến của những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà Trần Thị Tuyết là cụ Nguyễn Thị Ân, ông Trần Bá Hùng, ông Trần Bá Chí, ông Trần Bá Mạnh, ông Trần Bá Tuấn, bà Trần Thị Minh, bà Trần Thị Liên (do ông Trần Bá Hùng đại diện ủy quyền) đều thống nhất trình bày: như nội dung ông Hùng đã trình bày trên; đều cho rằng toàn bộ diện tích thửa đất 1241 là của cụ Húc, do cụ Húc là người đã đi xin được của Hợp tác xã Đồng Trữ, phần diện tích đất bà Tuyết đang sử dụng là trên cơ sở được cụ Húc chia cho, phần còn lại của thửa 1241 ông Dũng đang quản lý cũng là do cụ Húc cho; đều xác nhận cụ Húc chết không để lại di chúc; đều không có yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế; nên đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá Dũng.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ái trình bày: Năm 1975, vợ chồng bà cũng xin được của Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Trữ một mảnh đất và đã làm nhà để ở từ đó; cùng thời điểm này thì bà cũng thấy ông Dũng làm nhà trên mảnh đất giáp với đất nhà bà; việc ông Dũng có được thửa đất này là do ông Dũng hay cụ Húc xin của Hợp tác xã thì bà không biết; việc bà Tuyết ra ở trên đất (phần đất mà hiện nay đang tranh chấp giữa ông Dũng với bà Tuyết) như thế nào thì bà cũng không biết. Quan điểm của bà, bà không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất số 1241, cũng như phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Dũng với bà Tuyết.

6. Những người làm chứng trình bày:

6.1. Bà Nguyễn Thị Loan, ông Trần Bá Hiều, ông Trần Bá Bằng, ông Nguyễn Đức Luống (đều là những người cùng xóm với ông Dũng), ông Vũ Gia Khải (nguyên cán bộ địa chính xã Phú Nghĩa): Xác nhận chính sách cấp đất giãn dân của Hợp tác xã nông nghiệp thôn Đồng Trữ thời kỳ những năm 70 là cho các hộ gia đình có đông con, không có đất, chủ hộ sẽ đứng ra làm thủ tục xin đất. Bà Nguyễn Thị Loan, ông Trần Bá Hiều đều xác nhận vợ chồng ông Dũng sử dụng thửa đất 1241 có nguồn gốc được cấp giãn dân như trên và bắt đầu sử dụng cùng trong khoảng thời điểm với thời điểm gia đình ông, bà sử dụng đất.

6.2. Ông Nguyễn Viết Cập trình bày: Gia đình nhà ông và ông Trần Bá Dũng sử dụng đất đều có nguồn gốc là đất giãn dân do Hợp tác xã cấp vào khoảng năm 1976 – 1977. Thửa đất của gia đình ông do trực tiếp vợ chồng ông xin, còn thửa đất 1241 thì ông nghe nói do cụ Trần Bá Húc đứng ra xin.

6.3. Cụ Nguyễn Thị Bệt trình bày: Năm 1971 vợ chồng cụ làm đơn xin đất của Hợp tác xã nông nghiệp thôn Đồng Trữ, việc xin đất không mất tiền; đến nay thửa đất của gia đình cụ đã được cấp GCNQSDĐ. Nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng thửa đất 1241 thì đến nay cụ đã già nên không nhớ.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Năm 1978 vợ chồng ông là người trực tiếp đi xin đất giãn dân; gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1978, không có tranh chấp với các hộ liền kề; gia đình ông đã đứng tên trong sơ đồ giải thửa và sổ mục kê; gia đình ông là người đã nộp thuế toàn bộ diện tích thửa đất 1241. Căn cứ vào quy định của Luật đất đai thì gia đình ông là người sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất 1241.

- Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền – bà Nguyễn Thị Yến trình bày: Thừa nhận phía Nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng thửa đất 1241 từ năm 1978 và hộ ông Dũng là người nộp thuế toàn bộ thửa đất 1241. Tuy nhiên việc hộ ông Dũng nộp thuế và được đứng tên trên sơ đồ giải thửa không phải là căn cứ chứng minh cho ông Dũng có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất 1241. Theo Báo cáo xác minh của Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Chương Mỹ số 143 thì thửa đất 1241 được Hợp tác xã cấp đất giãn dân từ năm 1974, vậy lúc đó là cấp cho hộ gia đình đông con. Căn cứ vào các lời khai của người làm chứng và tất cả những người con cụ Húc (những người đứng về phía bà Tuyết) thì khẳng định cụ Húc là người đi xin đất. Phần diện tích đất 131,5m^2 mà bà Tuyết đang sử dụng thì cụ Ân và những người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà Tuyết đều cho rằng do cụ Húc chia cho bà Tuyết, đến nay những người này cũng không có tranh chấp đòi hỏi quyền lợi gì trong phần diện tích 131,5m^2. Thửa đất 1241 phù hợp với Bản đồ quy hoạch dân cư. Do vậy bà Tuyết có đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng 131,5m^2. Bản thân bà Tuyết là hộ cận nghèo, ngoài diện tích 131,5m^2 đang quản lý, sử dụng trên, bà Tuyết không có chỗ ở nào khác. Tại phiên tòa hôm nay, để đảm bảo tình cảm trong gia đình, anh em được đoàn kết thì cụ Ân và ông Hùng xin rút lại đơn yêu cầu độc lập đã nộp cho Tòa án vào ngày 28/6/2019; bà Tuyết sẽ tự lùi bức tường vào 01m – 1,2m để mở rộng đường đi cho ông Dũng.

Trong trường hợp ông Dũng không nhất trí với phương án hòa hòa giải, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Nghị định 43/2014 của Chính phủ; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự để bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn trình bày bản luận cứ: Đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người con cụ Húc thì khẳng định cụ Húc là người đứng ra xin đất và chính sách cấp đất giãn dân là cho các hộ gia đình có đông con để giãn dân cho các con ra ở. Thời điểm cấp đất giãn dân thì bản thân ông Dũng đang đi học (từ năm 1973 – 1981 – 1993) nên ông Dũng sẽ không có hộ khẩu tại địa phương nên ông Dũng không thể là người đứng ra xin đất được. Do cụ Húc là người đi xin được đất nên cụ Húc mới phân chia cho ông Dũng, ông Hùng mỗi người một nửa, ông Hùng không lấy thì ông Dũng đã sử dụng cả thửa 1241. Năm 1998, cụ Húc lập văn thư chia đất thì đã khẳng định cụ Húc là người có quyền sử dụng đối với thửa 1241. Việc thu hồi lại GCNQSDĐ của cụ Húc là do thủ tục cấp chưa chặt chẽ, thiếu chữ ký của các hộ giáp ranh. Ông Dũng nói cho bà Tuyết mượn đất, nhưng không có tài liệu nào chứng minh cho việc mượn đất. Khi bà Tuyết làm nhà ra ở thì cụ Húc và các con cụ Húc không ai có tranh chấp gì. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Nghị định 43/2014 của Chính phủ; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự để bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án số 11/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 và khoản 2 Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 108, khoản 1 Điều 109, 215, 217, 223 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Căn cứ án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành kèm theo Quyết định công bố số 220 ngày 06/4/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

1. Xác định diện tích đất tranh chấp giữa ông Trần Bá Dũng và bà Trần Thị Tuyết là 131,5m^2, là một phần thuộc thửa đất 1241 – tờ bản đồ số 02 - thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm (8, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá Dũng về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Tuyết.

3. Bà Trần Thị Tuyết phải thanh toán giá trị công sức duy trì, tôn tạo cho vợ chồng ông Trần Bá Dũng, bà Nguyễn Thị Bất là 33.000.000 đồng.

4. Chia cho vợ chồng ông Trần Bá Dũng, bà Nguyễn Thị Bất giá trị công sức duy trì, tôn tạo đất bằng hiện vật gồm: Quyền sử dụng 30m2 đất trị giá 30.000.000 đồng và tài sản trên đất: 01 giếng khoan trị giá 269.000 đồng, 01 cây mít trị giá 800.000 đồng, tường bao dài 10,4m trị giá 1.326.000 đồng; tổng trị giá tài sản vợ chồng ông Dũng, bà Bất được chia là 32.395.000 đồng, trên vị trí 131,5m2 thuộc một phần của thửa đất 1241 – tờ bản đồ số 02 – thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, có vị trí như sau: + Bắc giáp đường xóm dài 3,2m; + Nam giáp phần đất hộ ông Dũng đang quản lý sử dụng dài 3,21m; + Đông giáp phần đất hộ ông Dũng đang quản lý sử dụng dài 8,84m; + Tây giáp đất bà Tuyết quản lý sử dụng 9,6m; được giới hạn bởi các điểm (1, 5, 6, 7, 8, 1).

(sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

5. Các bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau do giá trị tài sản chênh lệch sau phân chia không đáng kể.

6. Giao cho bà Trần Thị Tuyết được quyền sử dụng 101,5m2, trên vị trí 131,5m2 thuộc một phần của thửa đất 1241 – tờ bản đồ số 02 – thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, có vị trí như sau: + Bắc giáp đường xóm dài 9,67m; + Nam giáp phần đất hộ ông Dũng đang quản lý sử dụng dài 9,42m; + Đông giáp phần đất hộ ông Dũng được chia dài 9,6m; + Tây giáp đất ông Đàm 12,07m; được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 1).

(*vị trí được giao kèm theo bản án)*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm ông Trần Bá Dũng – Là nguyên đơn, anh Trần Bá Điệp – Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Chị Trần Thị Ngoan – Là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bất và chị Nguyễn Quế Lan là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Yến – Là đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà Trần Thị Tuyết phải trả lại toàn bộ diện tích 131,5m^2 đất cho gia đình ông, do bà Tuyết là em gái ông, hiện nay lại không có chỗ ở nào khác nên ông sẽ tự nguyện cho bà Tuyết một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 1241 có chiều rộng 4m kéo dài hết thửa đất về phía giáp với Chùa Đồng Trữ có diện tích 89,1m^2, trên đất có nhà cấp 4 diện tích khoảng 16m^2.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm không đồng ý với bản án sơ thẩm đối với phần xác định công sức và chia công sức cho ông Dũng, bà Bất bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, bà xác định ông Dũng không có công sức tôn tạo thửa đất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, xác định lại công sức duy trì, tôn tạo đất của ông Dũng và xin được thanh toán bằng tiền mặt để giữ nguyên hiện trạng ngôi nhà cho bị đơn sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Dũng, bà Yến, chị Ngoan, anh Điệp nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Bà Trần Thị Ái được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các nội dung sau:

[1]. Về xác định quan hệ tranh chấp:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, ông Dũng khởi kiện yêu cầu bà Tuyết trả lại phần diện tích đất bà Tuyết đang sử dụng cho gia đình ông; bà Tuyết và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà Tuyết cho rằng phần diện tích đất trên là của cụ Trần Bá Húc (là bố mẹ của ông Dũng, bà Tuyết) được cụ Húc chia cho bà Tuyết sử dụng từ năm 2003, chứ không phải mượn ông Dũng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định phần diện tích đất đang tranh chấp là một phần của thửa đất 1241 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay các đương sự đang có tranh chấp để xác định quyền sở hữu đối với thửa đất. Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

2.1 Nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong vụ án, lời khai của những người làm chứng thể hiện: Phần diện tích đất đang tranh chấp có diện tích đo thực tế là 131,5m2 là một phần thửa đất 1241 – tờ bản đồ số 02 – xóm Chùa, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là vườn cây do Hội người cao tuổi thôn Đồng Trữ sử dụng, đến năm 1974 Hợp tác xã thôn Đồng Trữ cấp cho gia đình ông Trần Bá Dũng để làm nhà ở. Tuy nhiên hiện nay giấy tờ giao đất và hồ sơ giao đất thời điểm đó không còn.

Theo nguyên đơn là ông Dũng – bà Bất thì thửa đất trên do vợ chồng ông là người trực tiếp đi xin, thời điểm đó chỉ xin bằng miệng, không phải nộp tiền, sau đó ông bà được giao đất bằng miệng tại thực địa và đã trực tiếp quản lý sử dụng từ năm

1978, nên thuộc quyền quản lý sử dụng của vợ chồng ông, bà; đến năm 2006 ông cho bà Tuyết mượn một phần (đo thực tế là 131,5m2). Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người liên quan đứng về phía bà Tuyết gồm cụ Ân ông Hùng, ông Chí, bà Minh, ông Mạnh, bà Liên, ông Tuấn đều cho rằng thửa đất trên do cụ Trần Bá Húc là người đứng ra đi xin được; sau khi xin được đất cụ Húc đã chia cho ông Dũng, ông Hùng mỗi người một nửa đất, nhưng ông Hùng không lấy nên ông Dũng đã sử dụng cả thửa đất 1241 từ năm 1978; năm 2003 do bà Tuyết ly hôn, không có chỗ ở nên cụ Húc đã chia cho bà Tuyết phần diện tích đất trên và cụ Húc đã xây dựng tường bao xung quanh phần diện tích đất bà Tuyết sử dụng.

Theo lời khai của những người làm chứng là ông Trần Bá Bằng, ông Vũ Gia Khải, ông Nguyễn Đức Luống, ông Nguyễn Viết Cập, ông Trần Bá Hiều, bà Nguyễn Thị Loan thì thời điểm những năm 1970 chính sách cấp đất giãn dân của Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Trữ lúc đó là cấp cho các Hộ gia đình đông con, có từ hai con đã có gia đình mà không có đất ở thì chủ hộ đứng ra xin đất và khi xin được đất thì hộ gia đình cho con nào sử dụng thì con đó được quản lý, sử dụng và việc cấp đất này là cấp cho con đã có gia đình trong hộ gia đình đó. Đối với thửa đất 1241 thì những người làm chứng chỉ biết vợ chồng ông Dũng sử dụng ổn định từ năm 1977-1978 đến nay còn ai đứng ra xin thì họ đều không nắm được. Cụ Húc, cụ Ân, ông Hùng trước đây chưa bao giờ sinh sống trên thửa đất đó.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về chính sách, tiêu chuẩn cấp đất giãn dân trên địa bàn xã Phú Nghĩa những năm 1980 trở về trước và nguồn gốc thửa đất số 1241 tại UBND huyện Chương Mỹ, UBND xã Phú Nghĩa, UBND huyện Chương Mỹ, UBND xã Phú Nghĩa cung cấp cho Tòa án nội dung như sau: Từ những năm 1980 trở về trước theo thống nhất tại địa phương, để giải quyết đất ở cho các hộ gia đình có đông con trai, đất ở chật trội thì Hợp tác xã cấp đất không thu tiền cho các hộ gia đình đông con, có nhiều cặp vợ chồng ở chung một thửa đất, việc xét tiêu chuẩn cấp được xét cho hộ gia đình nhưng giao đất trực tiếp cho thành viên trong hộ gia đình nào thì thành viên đó được quyền quản lý, sử dụng. Thời điểm đó hộ gia đình ông Trần Bá Húc có đông con, đủ tiêu chuẩn được xét cấp đất nên được Hợp tác xã xét cấp trực tiếp cho ông Trần Bá Dũng là con trai cụ Trần Bá Húc thửa đất số 1241. Từ khi được giao đất thì ông Trần Bá Dũng quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tài liệu giao đất của hợp tác xã Đồng Trữ vào những năm 1970 cho ông Trần Bá Dũng hiện nay không còn, tuy nhiên theo sổ mục kê và bản đồ giải thửa UBND xã Phú Nghĩa lập năm 1983 (được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thửa đất số 1241

có diện tích 545m^2 đứng tên ông Trần Bá Dũng. Hộ gia đình ông Trần Bá Dũng nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 1241, diện tích 545m^2 tương đương với 12,7kg thóc từ năm 2012 trở về trước. Từ năm 2012 thửa đất 1241 có tranh chấp nên UBND xã Phú Nghĩa tạm ngừng thu thuế đất đối với thửa đất.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của phía bà Tuyết và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà Tuyết xác định thửa đất 1241 được Hợp tác xã nông nghiệp thôn Đồng Trữ cấp cho hộ gia đình cụ Trần Bá Húc theo chính sách cấp đất giãn dân là chưa đúng, mặc dù phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như UBND xã Phú Nghĩa không cung cấp được tài liệu về việc cấp đất cho hộ gia đình ông Trần Bá Dũng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể xác định thời điểm những năm 1970 trên địa bàn xã Phú Nghĩa, việc Hợp tác xã Phú Nghĩa cấp đất cho các hộ gia đình đông con trai, có trên hai con trai lập gia đình và không có đất ở, việc xin đất có thể do bố mẹ đứng ra xin hoặc các con trực tiếp xin, nhưng việc giao đất được giao trực tiếp cho người con đã lập gia đình. Như vậy có đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 1241, bao gồm phần diện tích 131,5m2 đang có tranh chấp có nguồn gốc của Hợp tác xã Phú Nghĩa cấp cho hộ gia đình ông Trần Bá Dũng.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Trần Bá Dũng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Tuyết trả lại phần diện tích đang lấn chiếm cho gia đình ông. Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định nguồn gốc thửa đất 1241, bao gồm phần diện tích đang có tranh chấp là của Hợp tác xã Phú Nghĩa cấp cho hộ gia đình ông Trần Bá Dũng, như vậy việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng, thửa đất 1241 có nguồn gốc là của cụ Húc xin Hợp tác xã, sau này cụ Húc đã chia diện tích đất đang có tranh chấp cho bà Tuyết là không có căn cứ.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Bá Húc, theo báo cáo số 143/BC-TNMT ngày 08/10/2013 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Chương Mỹ thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Trần Bá Húc tại thửa đất số 1241, diện tích 216m^2 còn sai sót, không đúng quy định của pháp luật, toàn bộ thửa đất số 1241, tờ bản đồ giải thửa xã Phú Nghĩa lập năm 1983 do hộ ông Trần Bá Dũng sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay và thực hiện nộp thuế nhà đất theo quy định, do đó kiến nghị UBND huyện Chương Mỹ thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 444850 đã cấp cho hộ ông Trần Bá Húc. Ngày 24/2/2014, UBND huyện Chương Mỹ đã ban hành quyết

định số 1281/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trái pháp luật cho hộ ông Trần Bá Húc, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa diện tích 216m^2, thuộc thửa đất số 1241, tờ bản đồ số 2, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Như vậy, cụ Húc không phải là chủ sử dụng đối với thửa đất số 1241, tờ bản đồ số 2, nên việc cụ Húc chia đất cho bà Tuyết là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định năm 2006, bà Tuyết bắt đầu sử dụng một phần diện tích của thửa đất 1241 thì thửa đất 1241 vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ gia đình cụ Trần Bá Húc, hộ gia đình cụ Húc đã thực hiện việc phân chia quyền sử dụng thửa đất 1241 cho bà Tuyết một phần bằng việc xây dựng tường bao khuôn viên phần diện tích bà Tuyết được chia, phần còn lại chia cho ông Dũng, đến nay bà Tuyết, cụ Ân, ông Hùng, ông Chí, ông Mạnh, ông Tuấn, bà Liên, bà Minh đều cho rằng các ông bà nhất trí với việc cụ Húc chia cho bà Tuyết phần đất này và đều nhất trí phần diện tích còn lại của thửa đất 1241 cho ông Dũng, các ông bà không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Húc và quyết định giao cho bà Tuyết được quyền sử dụng 101,5m2, trên vị trí 131,5m2 thuộc một phần của thửa đất 1241 – tờ bản đồ số 02 – thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội là không có căn cứ.

Do vậy, cần phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Tuyết và những người đang sinh sống trên phần đất đang có tranh chấp (theo đo đạc thực tế là 131,5m^2) trả lại diện tích đất này cho ông Trần Bá Dũng.

Theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, trên đất hiện có các công trình tài sản trên đất như biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản mà cấp sơ thẩm đã ghi nhận gồm:

- 01 nhà 01 tầng, xây dựng năm 2018, diện tích 85,3m^2, trị giá 254.364.600 đồng.
- 01 giếng khoan trị giá 269.123 đồng.
- 01 tường bao trị giá 265.869 đồng.
- 01 cây mít đường kính 18/20 cm trị giá 800.000 đồng.
- 01 cây bưởi đường kính 12-13cm trị giá 200.000 đồng.

Việc xây dựng nhà 01 tầng được thực hiện vào năm 2018, thời điểm đất đang có tranh chấp, ngày 16/11/2018 UBND xã Phú Nghĩa đã lập biên bản về việc ngăn chặn xây dựng đối với hộ bà Trần Thị Tuyết, đề nghị bà Tuyết giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết tranh chấp,

nếu hộ bà Tuyết cố tình xây dựng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật nhưng hộ gia đình bà Tuyết vẫn cố tình xây dựng, nên xác định việc xây dựng công trình trên đất là trái phép. Bà Tuyết phải có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất để trả lại phận diện tích đất trên cho ông Trần Bá Dũng.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Bá Dũng có quan điểm nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, do bà Tuyết là em gái ông, hiện nay không có chỗ ở nào khác nên ông tự nguyện cho bà Tuyết một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 1241 để ổn định nơi ở, cụ thể ông đồng ý cho bà Trần Thị Tuyết được quyền sử dụng 89,1m^2, có chiều rộng 04m kéo dài hết thửa đất số 1241 trên vị trí giáp với chùa thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, trên đất có 01 ngôi nhà diện tường xây 110, lợp mái tôn, rộng 16,7m^2. Xét hiện nay bà Trần Thị Tuyết không có nơi ở nào khác, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của ông Trần Bá Dũng.

2.3 Xét đơn yêu cầu độc lập của cụ Trần Thị Ân, ông Trần Bá Hùng:

Ngày 28/6/2019, cụ Nguyễn Thị Ân có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc ông Trần Bá Dũng phải trả lại cho cụ 345m2 đất do ông Dũng đang quản lý sử dụng thuộc thửa 1241; ông Trần Bá Hùng có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xác định phần di sản thừa kế của cụ Trần Bá Húc đối với thửa 1241 để phân chia di sản thừa kế của cụ Húc theo pháp luật. Tuy nhiên thời điểm nộp đơn sau khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thụ lý yêu cầu độc lập này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về án phí

Ông Nguyễn Bá Dũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì là đối tượng người cao tuổi.

Bà Trần Thị Tuyết không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì là hộ cận nghèo.

Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xét xử chưa có căn cứ, nhận định chưa đúng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bá Dũng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Ngoan, sửa lại bản án dân sự sơ thẩm

theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 164; Điều 166 Bộ luật dân sự.

- Khoản 1 Điều 203 Luất đất đai.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: sửa bản án án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá Dũng.

1.1. Xác định thửa đất số 1241, tờ bản đồ số 2 thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Bá Dũng, diện tích đo đạc theo hiện trạng là 584,6m^2.

1.2. Buộc bà Trần Thị Tuyết phải trả lại ông Trần Bá Dũng phần diện tích 131,5m^2 nằm trong thửa đất số 1241, tờ bản đồ số 2 thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm 8, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Trần Thị Tuyết và những người đang sống trên diện tích 131,5m^2 đất là cụ Nguyễn Thị Ân, cháu Trần Quang Huy có trách nhiệm tháo dỡ các công trình tài sản xây dựng trái phép trên đất để trả lại diện tích đất trên cho ông Trần Bá Dũng.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Bá Dũng tặng cho bà Trần Thị Tuyết một phần thửa đất 1241 có diện tích 89,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 11,12,13,14,11, trên đất có một nhà cấp 4, tường xây 110, mái lợp tôn có diện tích 16,7m^2 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Trần Bá Dũng được quyền sở hữu, sử dụng phần đất còn lại có diện tích 495,5m^2 và các công trình tài sản có trên đất.

1.4. Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất đối với đất và tài sản được giao.

2. Về án phí:

- Ông Trần Bá Dũng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dũng 2.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai nộp tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0003686 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

- Bà Trần Thị Tuyết không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh Trần Bá Điệp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004174 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, hoàn trả chị Trần Thị Ngoan 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004175 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

3. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Mạnh Cẩm Yến